

bị Thành tổ chiến tranh tâm lý

Nguyễn tư Tùng

Lời nói đầu: Trên LTAHCC số 60, trong bài "Vụ án Lê Chi Viên", chúng tôi đã viết: "Vua Lê Thái Tổ, húy là Lê Nguyễn Long, sinh năm 1422, con thứ vua Lê Thái Tổ, lên ngôi thay vua cha năm 1434", chắc quý AH thắc mắc tại sao vua Lê Thái Tổ lại bỏ trường lập thứ, người con trưởng Lê Tu Tề, con người vợ cả, đã 23 tuổi, và người con thứ Nguyễn Long mới 13 tuổi, con người vợ hai. Và suốt triều vua Lê Thái Tổ, hoàng tử Tu Tề không hề có ý định phản loạn, giành lại ngôi báu cho mình. Xin quý AH xem bài này sẽ rõ.

I/ Tình hình nước ta vào đầu thế kỷ XV

Năm 1407, Minh triều cử hai đại tướng Trương Phụ, Mộc Thạnh đem 10 vạn tinh binh sang chiếm nước ta. Hai tướng này cho thả trên thượng lưu sông Hồng một số tấm ván để mỉa chử "Hung Trần diệt Hồ". Chiêu bài này rất hợp với nguyện vọng của sĩ phu và đồng bào ta, vì toàn dân còn nặng lòng với Trần triều và coi nhà Hồ (1400-1407) là kẻ thoán nghịch. Do đó, chỉ trong hai tháng, quân Minh chiếm nước

ta không mấy khó khăn. Cha con Hồ Quý Ly bị bắt ở Nghệ An, rồi bị giải về Kim Lăng và Minh triều đặt nền đô hộ nước ta, với chính sách tàn ác sắt máu. Trong Bình Ngộ Đại Cáo, Nguyễn Trãi đã tả:

*Quân Minh là lũ diên cuồng
Kéo sang hút tuy hút xương
đồng bào
Tàn ác chẳng bút nào tả được
Lại lũ tà bán nước cầu vinh."*

Đồng bào ta bị giặc lừa, như tinh cơn mê, tìm hoàng tử Trần Quốc, con vua Nghệ Tôn, lập làm Giản Định Đế, chống với quân xâm lăng. Anh hùng nghĩa sĩ các nơi ùa theo ngọn cờ cách mạng, khí thế rất hăng. Mộc Thạnh phải về Tàu xin thêm 4 vạn viện binh sang cùng với quân của Lữ Nghị tiến đánh quân ta tại bến Bồ Cô (1409). Quân ta đại thắng: đại tướng Lữ Nghị tử trận, Mộc Thạnh bỏ chạy. Sau vì sự vụng về của Giản Định Đế: giết hai tướng nòng cốt Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân, nên quân đội bị tan rã. Đặng Dung, con Đặng Tất, và Nguyễn Cảnh Di, con Nguyễn Cảnh Chân, bỏ Giản Định Đế, lập Trần Quý Khoách,

cháu vua Nghệ Tôn, lên làm vua, đặt niên hiệu là Trùng Quang, rồi tiếp tục cuộc kháng chiến, nhưng lực lượng của địch hơn hẳn ta, nên đến tháng 9 năm 1413, vua Trùng Quang cùng các tướng Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Di, Nguyễn Súy đều bị Trương Phụ bắt giải về Tàu. Ra tới giữa biển, vua tôi đều nhảy xuống biển tử tiết. Từ đó, nền đô hộ càng được siết chặt và để trù mầm mống phản loạn, Minh triều di lùng bắt tất cả những người tài giỏi trong nước, giải về Kim Lăng, cho "học tập" chính sách cai trị theo kiểu Minh triều. Người nào chịu thần phục thì cho về nước phục vụ quân xâm lăng, người nào búi bong binh chống lại chúng thì bị thủ tiêu hoặc giữ lại bên Tàu cho đến chết. Lúc này, trong nước đắng cấp phong kiến cũng như sĩ phu đều vắng bóng.

*"Nhân tài chỉ như lá mùa thu
Tuần kiệt như sao thưa buổi sớm."*

II/ Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc

May thay, mùa xuân năm Mậu Tuất 1418, một nông dân áo vải đất Lam Sơn (Thanh Hóa) Lê Lợi tự xưng là Bình

Đinh Vương, đứng lên phát cờ khởi nghĩa chống Minh triều. Vương không thuộc đẳng cấp phong kiến, không phải quý tộc. Vương chỉ là một hào trưởng giàu có, có đọc sú và nghiên cứu binh thư, nhưng cũng không phải là bậc nho học uyên thâm. So sánh lực lượng giữa ta và địch, lúc khởi nghĩa, Vương chỉ có 3000 người. Các tướng đều là thân thuộc hoặc tá điền của Vương, vô học hoặc ít học và chưa từng đọc binh pháp Tôn Ngộ. Các sĩ tốt đa số là điền tốt của Vương. Trong khi đó, lực lượng của Minh triều lúc nào cũng có trên 10 vạn quân, tướng sĩ đều có kinh nghiệm trận mạc. Trong binh thư có viết: "Quí hồ tinh bất quí hồ da". Xem như vậy, lực lượng Vương thua kém hẳn về phẩm cũng như về lượng. Nhưng với một lòng quyết tâm sắt đá, với thiên thời địa lợi nhân hòa, với tài chiến tranh tâm lý của tham mưu trưởng Nguyễn Trãi, sau 10 năm chiến đấu gian khổ, Vương đã hoàn toàn thành công. Cuộc trường kỳ kháng chiến có thể chia làm ba giai đoạn:

1. Từ 1418 đến 1422: Chiến tranh tiêu hao hay du kích. Quân đội của Vương đóng ở Chí Linh, miền cao nguyên tây bắc Thanh Hóa, giáp với Ai Lao. Đây là một vùng rừng núi âm u, đường vào rất khó khăn hiểm trở các tướng Minh không dám vào sào huyệt của Vương vì sợ mai phục.

Quân của Vương có ra quấy phá vùng Thanh Hóa, Nghệ An, lần đầu có thu được thắng

lợi, lần thứ hai Vương chiếm được đồng Nga Lạc và mấy đồi thuộc huyện Nga Sơn (Thanh Hóa), giết được tướng Minh là Nguyễn Sao (năm 1419). Giữa lúc này thì Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn gặp Vương ở Lội Giang. Nguyễn Trãi dâng kế sách bình Ngô, được Vương rất tán thưởng và dùng làm tham mưu trưởng. Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn cũng là bà con bên ngoại: Thượng túc hầu Trần Nguyên Dán, ông ngoại Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn đều là hậu duệ của Chiêu minh vương Trần Quang Khải.

Nguyễn Trãi là người học rộng, tài cao và rất cẩn trọng. Năm 1407, khi tiền cha là Phi Khanh ở Nam Quan, được cha dạy: "Về lo báo thù cho cha, rửa hận cho nước mới là đại hiếu." Về đến Thăng Long, ngay đêm đó, Nguyễn Trãi phải rời Thăng Long luôn, vì Minh triều biết là người tài, nên cho lùng bắt. Nếu là người bồng bột, thi đã theo Giản Định Đế, và chắc chắn cùng chung số phận với Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân năm 1409 và nếu theo vua Trùng Quang, thì năm 1413 cũng chung số phận với vua Trùng Quang, Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Đị. Có lẽ Nguyễn Trãi biết trước hai vua Hậu Trần này không đủ tài cán và mưu lược để thành công, và sau này, nếu Lê Lợi không có Nguyễn Trãi, chắc chắn cũng không thể làm nên nghiệp lớn.

Tháng tư năm Tân Sửu 1342, Vương xuất quân lần thứ ba. Mấy vạn tinh binh của

tướng Minh Trần Trí giao tranh với quân của Vương ở Ba Lộ. Quân ta đánh rất hăng, giết được hai ngàn địch quân. Năm sau, Nhâm Dần, 1422, từ đồn Ba Lộ, tiến đánh đồn Quan Gia, bị sự phản bội của 3000 quân Lào (Vương đã điều đình với toán quân này hỗ trợ quân của Vương, không ngờ Trần Trí tung tiền ra mua được toán quân này), nên quân ta thua to, phải chạy về đồn Khôi Sách. Giặc thắng thế, bao vây bốn mặt rất nguy kịch. Vương phải liều chết mở một đường máu rút về Chí linh. Trong trận này, Vương thiệt mất hai danh tướng: Lê Lai liều mình cứu chúa và Lê Thạch bị trúng đạn, cùng non nửa số quân.

2. Từ 1422 đến 1424: Thời kỳ hưu chiến. Tàn quân của Vương rút về tới Chí linh đều nhọc mệt, uể oải, mất tinh thần và ở vào tâm trạng kinh cung chi điểu. Vương cùng các tướng lãnh cũng như binh sĩ đều nhận thấy cuộc chiến tranh giải phóng rất khó thành công, tuy ai cũng nặng lòng vì nước nhưng lực bất tòng tâm.

Dịch quân không những mạnh hơn quân của Vương nhiều mà ở hậu cần chúng còn một kho nhân lực và tài lực hẫu như vô tận. Vương đành phải sai Lê Ngân ra Đông Quan đề nghị hưu chiến với Trần Trí. Trần Trí chấp nhận hưu chiến, đồng thời cho người gửi trâu bò heo gạo vào biển vương để nuôi quân, với hy vọng là mua chuộc lòng Vương, để chờ dịp thuận tiện sẽ dụ Vương hàng. Vương

sai Lê Ngân đem vàng bạc ra Đông Quan để tạ ơn Trần Trí.

Cuối năm 1422, mấy người Vương sai đi chiêu mộ tân binh để trám vào chỗ thiếu hụt trong trận Ba Lập-Khôi Sách đều về không. Có lẽ dân chúng không tin tưởng vào khả năng của Vương nữa. Mùa xuân 1423, Vương bàn với vị tham mưu trưởng xem có giải pháp nào làm cho binh sĩ lên tinh thần. Nguyễn Trãi trả lời: "Vương có dám hy sinh người thân của Vương không?"

Vương đáp: "Dù phải hy sinh, ta cũng phải theo, không lè lu cuộc kháng chiến đến đây rồi tan rã sao?" Nguyễn Trãi ghé vào tai Vương nói nhỏ mấy câu. Nét mặt Vương vui buồn lẫn lộn, rồi Vương về gặp gia đình ở Lam Sơn. Vài ngày sau, Vương trở lại Chí Linh, cho họp quần thần tướng lãnh và một số binh sĩ nòng cốt. Vương tuyên bố: Vừa rồi ta thấy vị thần núi Chí Linh báo mộng cho ta biết Ngài vừa lên Thiên Đinh lén xem được sổ Thiên Đinh (sổ ghi những quyết định của Ngọc Hoàng) có ghi rõ nhất định ta sẽ đuổi được giặc Minh và sẽ là hoàng đế nước Nam, nhưng còn gấp nhiều gian truân. Ngài sẽ hết lòng giúp đỡ ta, di theo quân sĩ của ta để chống địch, với điều kiện là ta

phải nhường một trong ba người vợ của ta. Ta đã bàn việc này với ba vợ của ta. Bà cả không chịu hy sinh và nói: "Con tôi Tu Tề mới 13 tuổi, tôi phải sống để gây dựng cho hắn." Bà hai vui lòng hy sinh với điều kiện là nếu ta làm đế nước Nam, ta sẽ phải nhường ngôi cho con nàng, Nguyễn Long mới sinh năm ngoái. Vậy thì yêu cầu vị tham mưu trưởng cho xây cất gấp đền thờ vị thần núi."



Thế là ngay ngày hôm sau tinh thần quân sĩ phấn khởi hẳn lên, toàn thi đắn cây xẻ gỗ, toàn thi đục đá nung vôi, toàn thi gánh cát đổ nền, toàn thi nung gạch nung ngói. Chỉ trong hơn một tháng, đến thờ vị thần núi đã xây xong vào cuối mùa xuân. Vương tổ chức lễ khánh thành rất trọng thể: giết bò, dê, heo tế thần trong hai ngày đêm liền, và đến đêm hôm thứ ba, bà vợ hai của Vương hy sinh trên giàn

hỏa. Các quân sĩ đều được dự việc tế lễ và những người hiếu kỳ trong vùng cũng như quân sĩ đều được xem màn hỏa thiêu, vừa bi thương vừa hùng tráng. Màn hỏa thiêu bi hùng đó xảy ra trong đêm tối, dưới ánh lửa sáng rực đã in sâu vào tâm trí binh sĩ cũng như đồng bào trong vùng, nên gây được ảnh hưởng rất lớn.

Ngay vào đầu hạ 1423, vị tham mưu trưởng lại bí mật sai vài người tẩm phúc trèo lên những cây có lá to trong rừng, lấy bút lông châm vào mực, viết lên hai bên súng lá mỗi bên ba chữ "Lợi vi quân" và "Trãi vi thần". Và cũng ngay từ đầu hạ, vị tham mưu trưởng đã thảo một chương trình luyện tập binh sĩ rất tích cực và cho đúc thêm khí giới đại qui mô. Rồi vào cuối thu cùng năm, lá vàng rụng, đồng bào trong vùng và

quân sĩ nhận thấy một số lá có lửng sáu chữ "Lợi vi quân, Trãi vi thần", họ mang những tấm lá kỵ dị đó khoe với nhau, thế là cả một vùng rộng lớn, ai cũng tin là điểm trời và đều náo nức "Lợi vi quân, Trãi vi thần" là thiên định. Rồi mùa đông cùng năm, những người nặng lòng vì nước, những trai tráng đến đầu quân rất đông.

3. Từ 1424 đến 1427: Thời

kỳ tổng phản công. Mùa xuân 1424, nhận thấy lực lượng của mình khá vững mạnh, với tinh thần quân đội lên rất cao, Vương đem đại binh mở mặt trận miền nam.

Trần Trí phải huy động toàn lực ra địch với đại binh của Vương. Khi thế quân ta rất hăng. Trần Trí thua trên khắp mặt trận, suốt từ Nghệ An tới Hương sơn (Hà Tĩnh). Trần Trí phải lui về giữ thành Nghệ An. Theo lời đề nghị của vị tham mưu trưởng, Vương để một lực lượng nhỏ vây thành Nghệ An, còn đại binh nam tiến, đánh Tân bình (Quảng bình, Quảng Trị), Thuận hóa. Di tới đâu, địch đều mở cửa thành xin hàng. Trong số hàng tướng có Lương Nhū hốt, trấn thủ đồn Da Cang. Lương Nhū Hốt là tướng của Trần triều, sau hàng quân Minh. Đến đầu năm 1426, từ Thanh hóa đến Thuận Hóa đều được giải phóng và thuộc quyền cai trị của Vương, trừ hai thành Nghệ An và Tây Đô, địch đóng cửa thành cố thủ. Thế là Vương đã nắm được một kho nhân lực rất phong phú. Thấy kế hoạch của vị tham mưu trưởng thâu được kết quả mỹ mãn, từ lúc này, Vương tôn Nguyễn Trãi làm quân sư. Giữa lúc Vương bận vì mặt trận miền nam, thì Hoàng Phúc về Tàu xin thêm viện binh, vì thấy tình thế rất nghiêm trọng. Minh triều cử thượng thư Trần Hạo sang thay, đồng thời xuống chiếu quở trách Trần Trí. Bình định xong miền nam, Vương kéo đại quân ra mặt trận miền bắc. Di tới đâu đồng bào rất vui

mừng, đem rượu thịt dâng cho Vương để khao quân. Minh để lại sai đại tướng Vương Thông và tham tướng Mã Anh đem 5 vạn quân sang cứu Đông Quan. Đại quân của địch đóng tại thành Đông Quan, rất thận trọng, không dám ra cứu những đồn lẻ, nên ngoài việc vây thành Đông Quan, Vương đã dụ hàng được toàn thể các đồn lẻ. Thế là chẳng bao lâu, Vương đã giải phóng cả miền bắc, trừ thành Đông Quan.

Đại thắng Tuy Động: Vương Thông tập hợp cả quân cũ mới, được 10 vạn binh, sửa soạn một trận đánh lớn để tiêu diệt quân của Vương, khi đó đang đóng tại hai làng Tuy Động thuộc huyện Mỹ Lương và Chúc Động thuộc huyện Chương Mỹ, trên đất bãi sông Đáy. Nguyễn Trãi thấy quân số của địch có tới 10 vạn, trong khi quân ta chỉ có ngót 2 vạn, cần phải dùng mưu phá được địch. Ông cho đắp đập trên công Đáy, phía thượng lưu Tuy Động và, khi nước sông Đáy đã rút, lòng sông gần như cạn, ông cho đắp đập ở hạ lưu Tuy Động, Chúc Động. Ông cũng cho đóng 50 chiếc thuyền lớn và muộn của dân hai làng này được hơn 100 chiếc thuyền tam bản để sau này dùng trong trận chiến. Hai làng này ở đất bồi, nên hàng năm vào mùa nước lớn, đều bị ngập nước, mỗi gia đình đều có một chiếc thuyền tam bản để tiện di chuyển.

Dịch huy động toàn lực vào trận chiến. Trần Hạo, Vương Thông, Trần Trí, Phương

Chính, Mã Kỳ vây chặt quân ta ở hai làng Tuy Động, Chúc Động. Giữa lúc ấy, theo đúng kế hoạch, ta phá đập thượng lưu. Chỉ trong chốc lát, cả vùng đất bãi Tuy Động, Chúc Động, nước ngập mênh mông. Quân ta cởi trần, các thuyền lớn nhỏ ở hai làng tuá ra cứu những binh sĩ cởi trần và tiêu diệt những binh sĩ địch mặc áo. Một số địch quân bỏ cả khí giới, llop ngóp bơi được vào bờ, đang bơ phờ mệt nhọc lại bị quân mai phục của ta ở hai bên bờ sông bùa ra lùa xuống sông, chết đuối vô kể. Trong trận này, địch chết tới 5 vạn, bị bắt sống hơn 1 vạn. Thương thu Trần Hạp và nội quan Lý Lương tử trận. Các tướng khác của địch chạy thoát được về thành Đông quan. Trận này được kể là trận thắng lớn nhất của Vương và cũng là trận quyết định. Sau trận này, Vương cho binh sĩ bao vây thành Đông quan rất chặt chẽ. Binh sĩ tinh thần đang lên, xin cho đánh thành. Nguyễn Trãi can, và viết thư sai người mang vào thành cho Vương Thông, bày lẽ hơn thiệt để dụ hàng. Vương Thông nhận lời, xin đình chiến, nhưng lại ngầm sai người xin Minh triều viện binh.

Đại thắng Chi Lăng: Minh triều cử tướng quân An viễn hầu Liễu Thăng, tham tướng Lương Minh, đô đốc Thời Tụ, thương thư Ly Khánh, thương thư Hoàng Phúc mang 10 vạn quân sang ta theo ngả Chi Lăng, đồng thời cử Chinh nam tướng quân Quốc công Mộc Thành đem 5 vạn quân vào nước ta theo triền sông Hồng.

Được tin này, Vương còn phân vân. Vương theo lời Nguyễn Trãi, chỉ để một lực lượng nhỏ vây thành Đông Quan, rồi kéo đại quân lên Chi Lăng cản địch. Trận Chi Lăng bắt đầu ngày 18-9-1427, ngày 20-9, Liễu Thăng lọt ổ phục kích của ta ở chân núi Mã Yên và tử trận. Ngày 25-9, Lương Minh tử trận, ngày 28-9, Lý Khánh tự sát trong đám loạn quân. Vài ngày sau, Thôi Tụ, Hoàng Phúc cũng bị bắt sống. Thế là 10 vạn quân của Liễu Thăng chỉ chia đầy nửa tháng đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Vương cho dẫn viên chỉ huy trong số tù binh cùng sắc thư ấn tín của Liễu Thăng đến hành doanh của Mộc Thạnh. Được biết rõ số phận của toán quân Liễu Thăng, Mộc Thạnh hết sức kinh hoảng, liền bỏ chạy về Tàu. Các tướng Phạm Văn Xảo, Lê Khả của ta phá được đạo quân này không mấy khó khăn. Thấy hai toán viện binh đều bị tan vỡ, Vương Thông thực lòng xin đình chiến và thỉnh cầu Vương cấp cho thuyền ngựa lương thực để toán quân xâm lăng lặng lẽ rút về Tàu vào đầu năm 1428. Thế là Vương toàn thắng và lên ngôi hoàng đế nước Nam.

*

Kể từ mùa xuân 1423, tinh thần quân đội bạc nhược, khiếp dám, nhưng với mưu lược của Nguyễn Trãi, quân đội của Vương đã đổi nhuốm ra cường, và kể từ mùa xuân 1424, Vương đánh trận nào được trận ấy, kể cả những trận mà số địch quân

Mùa Xuân

Thu Nga

*Mưa chí mưa mãi hối Ông Trời?
Mưa chán rồi Ông cũng nắng thôi!
Chờ để người than không đến chợ;
Đừng cho kẻ trách khỏi đóng chai,
Đông về hoa cỏ chưa đom nụ
Xuân đến đây cảnh sẽ trở chiều
Ai chán ai buồn thay kê họ
Miếu chùa Phật Lạc vẫn luôn cười
Miếu chùa Phật Lạc vẫn luôn cười
Đợi chùa xuân về vạn cảnh vui
Hoa cỏ tung bừng khoe sắc thắm!
Núi sông rộn rã đổi màu tươi
Phố phường tấp nập người đi lại
Xe cộ òn ào kê đạo chơi
Gót hài đứng đinh xuân chờ trời
Đi Lạc ưng dung nở nụ cười.*

động gấp bảy, tám lần số quân của Vương: quân sĩ đã hoàn toàn tin tưởng vào sự đắc thắng của Vương và cũng tin tưởng vào sự ủng hộ tích cực của vị thần núi, nên không sợ địch mạnh mà hăng hái mạnh dạn diệt địch.

Với mưu lược đó, Nguyễn Trãi đã hoàn toàn thành công. Nhưng 19 năm sau, năm 1442, Nguyễn Trãi đã bị nạn oan. Có người cho là Nguyễn Trãi đã trực tiếp hoặc gián tiếp giết oan một cách thương tâm một người

đàn bà vô tội, nên bị luật nhân quả. Nhưng dù sao, giết một người vô tội mà đuổi được quân bạo tàn xâm lăng, cứu được nạn nước, cứu được hơn chục triệu đồng bào khỏi lầm than cơ cực, trong hai cái khổ, chọn cái khổ nhỏ, thì cũng là một việc phải làm, và Nguyễn Trãi bao giờ cũng là vị thánh tổ chiến tranh tâm lý, vị anh hùng cứu quốc đệ nhất công thần của nhà Lê.

tháng 11, 1993

Nguyễn Tư Tùng